TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1392/2025/DS-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Nguyễn Minh Nam.

2. Ông Lê Phú Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Nam Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 437/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 319/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Trụ sở: 266 – B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Nơi làm việc: Lầu F, B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Vũ Nguyễn Thanh L, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: A C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2024 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Đức T là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/4/2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Vũ Nguyễn Thanh L ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, hạn mức tín dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/ tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 43.605.715

đồng.Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 39.285.942 đồng.

Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/09/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 30/09/2025, ông L còn nợ tổng cộng 70.920.498 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông L thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 70.920.498 đồng, trong đó nợ gốc là 16.877.810 đồng, lãi quá hạn là 54.042.688 đồng. Ngoài ra, ông L còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn ông Trần Đức T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và bị đơn ông Vũ Nguyễn Thanh L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Vũ Nguyễn Thanh L cư trú tại A C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự ghi tự khai, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Vũ Nguyễn Thanh L vắng mặt. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến nhưng ông L không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên

tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn. Bị đơn ông L vắng mặt, đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do đương sự cung cấp, do Tòa án thu thập theo Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ quy định tại các Điều 196, 207, 208, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ quy định tại các Điều 196, 207, 208, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đức T và bị đơn ông Vũ Nguyễn Thanh L.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc là 16.877.810 đồng.

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/4/2015 được lập và có chữ ký xác nhận giữa Ngân hàng và ông Vũ Nguyễn Thanh L đủ cơ sở để xác định Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã phát hành cho ông L thẻ Visa, số tài khoản 3348695028, hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng, lãi suất 2,15%/năm.

Nội dung Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, bị đơn đã không thanh toán tiền đầy đủ cho nguyên đơn. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa án để giải quyết cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 16.877.810 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 2 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn 54.043.688 đồng tạm tính đến ngày 30/9/2025 và tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/9/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/4/2015 và Điều 23 Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa Ngân hàng và ông Vũ Nguyễn Thanh L, việc tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu tiền lãi quá hạn của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vũ Nguyễn Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán.

- Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc ông Vũ Nguyễn Thanh L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 70.920.498 (bảy mươi triệu chín trăm hai mươi nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng). Trong đó nợ gốc là 16.877.810 (mười sáu triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm mười đồng) và lãi quá hạn là 54.042.688 (năm mươi bốn triệu không trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/4/2015 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Vũ Nguyễn Thanh L.

2. Về án phí:

- Ông Vũ Nguyễn Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.546.025 (ba triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm hai mươi lăm đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.573.000 (một triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0055596 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ Nguyễn Thanh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/4/2015 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Vũ Nguyễn Thanh L.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV5 - TP.HCM;
- Phòng THADS KV5 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Quỳnh